SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
ĐẮK LẮK

Số: 584/QĐ-CĐSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022, ngày 17/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Tổ Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ Tài vụ và các đơn vị liên quan thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- P.HT- Phụ trách trường;
- TT Thông tin (đăng Website Trường);
- Lưu :VT, Tài vụ.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH TRƯỜNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK

Nguyễn Ngọc Thành

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 480/QĐ-CĐSP ngày 03/10/2023 của. Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	**Quyết toán thu**					
A	**Tổng số thu**	**7.235**	**7.235**			
1	**Số thu phí, lệ phí**					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	**Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ**	**7.235**	**7.235**			
2.1	Học phí	2.755	2.755			
	Học phí chính quy	1.493	1.493			
	Học phí đào tạo tại chức	1.220	1.220			
	Học phí chương trình 2, cải thiện điểm, học kỳ hè	42	42			
2.2	Các lớp đào tạo, bồi dưỡng	1.342	1.342			
2.3	Lệ phí tuyển sinh	42	42			
2.4	Ký túc xá, dịch vụ giảng đường	141	141			
2.5	Căn tin, nhà xe, CSVC, tiền lãi ngân hàng, nhà công vụ	632	632			
2.6	Đào tạo liên kết đại học	1.085	1.085			
2.7	Các khoản tại trường thực hành MNHH	1.238	1.238			
3	**Thu sự nghiệp khác**					
B	**Tổng số chi**	**4.588**	**4.588**			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1.1	**Chi sự nghiệp giáo dục & đào tạo**	**866**	**866**			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	866	866			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	**Chi quản lý hành chính**	**3.722**	**3.722**			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	3.722	3.722			
3	**Hoạt động sự nghiệp khác**		0			
II	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**18.346**	**18.346**			
1	**Chi quản lý hành chính**					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	**Chi nghiên cứu khoa học**					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**18.346**	**18.346**			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.405	14.405			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.941	3.941			